

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 251/2023/HC-PT

Ngày 19/4/2023

*V/v Yêu cầu hủy quyết định thu hồi đất,
phê duyệt phương án bồi thường và quyết
định giải quyết khiếu nại.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Bình;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Cường;

Ông Nguyễn Mạnh Tiến.

Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thành Trung - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:
Bà Phạm Thị Minh Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 4 năm 2023, tại đầu cầu trung tâm tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, tại đầu cầu thành phần Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh; Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa xét xử phúc thẩm trực tuyến công khai công khai vụ án thụ lý số 379/2022/TLPT-HC ngày 15 tháng 9 năm 2022 về việc “*Yêu cầu hủy quyết định thu hồi đất, phê duyệt phương án bồi thường và quyết định giải quyết khiếu nại*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 08/2022/HC-ST ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2874/2023/QĐPT-HC ngày 20 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Trần Văn T, sinh năm 1972; địa chỉ: Thôn X, xã M, huyện L, tỉnh Bắc Ninh; Vắng mặt, có đơn xin xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông T: Ông Dương Văn Q - Luật sư của Công ty luật TNHH F, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Bắc Giang; Vắng mặt, có đơn xin xử vắng mặt.

2. Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân (UBND) huyện L và UBND huyện L.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Vũ Văn H - Phó Chủ tịch UBND huyện L, tỉnh Bắc Ninh; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- UBND xã M, huyện L;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn Đ – Chủ tịch UBND xã M; Vắng mặt, có đơn xin xử vắng mặt.

- UBND xã M1 huyện L;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Văn H1 – Chủ tịch UBND xã M1; Vắng mặt, có đơn xin xử vắng mặt.

- Bà Ngô Thị T1, sinh năm 1984; Đại chi: Thôn X, xã M, huyện L, tỉnh Bắc Ninh; vắng mặt.

- Người đại diện của thôn X1, xã M1, huyện L, tỉnh Bắc Ninh là ông Ngô Văn K; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo người khởi kiện trình bày:

Từ năm 2007 đến năm 2009, do nhu cầu kinh phí để xây dựng nhà văn hóa và làm đường bê tông, được sự nhất trí chỉ đạo của Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, UBND xã M1, Ban lãnh đạo thôn X1 đã thông báo việc chuyển nhượng một số diện tích đất tại khu vườn S của thôn và vận động người dân mua đất nông nghiệp với cam kết sẽ hoàn thiện đầy đủ giấy tờ sử dụng lâu dài cho người mua với giá chuyển nhượng đất thủy sản lâu dài cho người mua với giá là 7.000.000 đồng/sào và thu tiền làm giấy tờ cho người mua sử dụng lâu dài là 300.000 đồng/sào.

Ông Trần Văn T đã mua 3.045,6m² đất canh tác phía Tây dài 59,2m giáp đường mương; phía Đông dài 50,8m giáp đất ông N; phía Nam dài 50,8m giáp đường trục giữa; phía Bắc dài 47,5m giáp mương. Hiện nay là thửa số 99, bản đồ số 3, diện tích 3.216,2m². Gia đình ông đã sử dụng đất ổn định lâu năm, không tranh chấp, hàng năm có thực hiện nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác đầy đủ từ thời điểm nhận chuyển nhượng đất đến hiện tại.

Tại Quyết định số 2725/QĐ-UBND ngày 02/11/2020 của UBND huyện L về việc thu hồi đất để thực hiện dự án đầu tư xây dựng cải tạo, nâng cấp đường TL284 đoạn thị trấn G đi V, huyện L, diện tích đất bị thu hồi của ông T là 421,7m². Tuy nhiên, Quyết định số 2725/QĐ-UBND lại xác định diện tích bị thu hồi của gia đình ông T là “đất công ích”, sử dụng theo hình thức “tạm giao” và có nội dung ghi chú là “mua đất của thôn (7 triệu/sào có hợp đồng chuyển nhượng giữa thôn với các hộ trước năm 01/7/2014) bồi thường hỗ trợ cho hộ gia đình 30% giá đất”, ông T không đồng ý với nội dung Quyết định số 2725/QĐ-UBND nêu trên nên đã khiếu nại.

Ngày 23/8/2021, Chủ tịch UBND huyện L ban hành Quyết định số 1375/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại lần đầu. Theo đó, nội dung khiếu nại mà ông T đã đưa ra không được chấp nhận, diện tích đất bị thu hồi mà gia đình ông T đang sử dụng vẫn được xác định là đất công ích. Trong khi đó, diện tích đất ông T đang sử dụng có nguồn gốc mua của thôn X1, xã M1, huyện L,

tỉnh Bắc Ninh (có văn bản chuyển nhượng viết tay) từ năm 2008-2009 và đã sử dụng ổn định, lâu dài, không tranh chấp từ khi nhận chuyển nhượng đến nay.

Ông T đồng ý với chủ trương chính sách thu hồi đất của Nhà nước, tuy nhiên ông T không đồng ý với phương án bồi thường được phê duyệt theo giá đất tạm giao. Ông T mua đất với giá đất lâu dài, sau khi mua đất đã bỏ công sức tôn tạo nên ông T đề nghị phải bồi thường cho ông T theo giá đất giao lâu dài. Đối với diện tích còn lại chưa thu hồi ông T đề nghị chính quyền hợp thức hóa cho ông T quyền sử dụng hợp pháp là đất lâu dài để đảm bảo quyền lợi chính đáng cho ông T.

Ông Trần Văn T khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết:

1. Hủy một phần Quyết định số 2725/QĐ-UBND ngày 02/11/2020 của UBND huyện L về việc thu hồi đất để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng cải tạo, nâng cấp đường TL284 đoạn thị trấn G đi V, huyện L đối với ông Trần Văn T.

2. Hủy Quyết định số 1375/QĐ-UBND ngày 23/8/2021 của Chủ tịch UBND huyện L về việc giải quyết khiếu nại lần đầu đối với ông Trần Văn T.

3. Xác định diện tích đất 3.216,2m² gia đình ông T đang sử dụng thuộc quyền sử dụng hợp pháp, được nhà nước giao đất sử dụng lâu dài.

Đại diện theo ủy quyền của người bị kiện trình bày:

- Về việc lập hồ sơ thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ: Đối với công tác lập hồ sơ thu hồi đất bồi thường, hỗ trợ GPMB Dự án, Phòng Tài nguyên và Môi trường (Cơ quan thường trực của Hội đồng bồi thường GPMB) đã thực hiện các bước quy trình đảm bảo đúng quy định của luật Đất đai năm 2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Trong quá trình thực hiện chi trả tiền bồi thường, đến nay còn 06 hộ chưa nhận tiền bồi thường, hỗ trợ; trong đó có hộ ông Trần Văn T, thường trú Thôn X, xã M: Thửa đất số 99, tờ bản đồ địa chính số 26 xã M, diện tích 3.216,2m² do hộ gia đình ông T đang sử dụng, loại đất: đất chuyên trồng lúa (LUC), diện tích cần thu hồi để thực hiện Dự án là 421,7m², hình thức sử dụng là đất tạm giao. Kinh phí được bồi thường, hỗ trợ 12.651.000 đồng.

- Về việc giải quyết đơn của 06 hộ gia đình, cá nhân: Trong thời gian công khai dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ; Hội đồng bồi thường GPMB Dự án nhận được đơn đề nghị của 06 hộ gia đình, cá nhân gồm: Vũ Văn H2, Phạm Văn Tr, Bùi Văn C1, Bùi Xuân T2, Trần Văn T và **Phạm Văn B (Tống Đức H3)** đề nghị xem xét lập phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất là đất nông nghiệp giao ổn định, lâu dài.

Ngày 23/8/2021, Chủ tịch UBND huyện L ban hành Quyết định số 1375/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại lần đầu của 06 công dân nêu trên, có nội dung: “*Không chấp nhận nội dung khiếu nại của các công dân, vì các công dân*

*không cung cấp được bằng chứng, chứng cứ có liên quan để xác định diện tích đất công dân đang khiếu nại là đất được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền giao ổn định, lâu dài để được bồi thường, hỗ trợ theo loại đất giao ổn định, lâu dài như đơn khiếu nại của công dân. Do vậy, nội dung khiếu nại của 06 công dân Vũ Văn H2, Phạm Văn Tr thôn X1, xã M1; Bùi Văn C1, Bùi Xuân T2, thôn X2, xã M; Trần Văn T, **Phạm Văn B**, Thôn X, xã M là không có cơ sở pháp lý”.*

- Về nguồn gốc các thửa đất mà các hộ gia đình, cá nhân: Thửa đất số 99, tờ bản đồ địa chính số 26 xã M, diện tích 3.216,2m² do hộ gia đình ông T đang sử dụng, loại đất: đất chuyên trồng lúa (LUC), diện tích cần thu hồi để thực hiện Dự án là 421,7 m².

Về diện tích đất nông nghiệp của hộ ông T được giao theo định suất năm 1993, 2016: Năm 1993, hộ gia đình ông T là hộ cá thể, không nằm trong Hợp tác xã. Năm 2016, theo Quyết định số 1271/QĐ-UBND ngày 24/8/2016 của UBND huyện L phê duyệt phương án dồn điền đổi thửa đất nông nghiệp Thôn X, xã M thì hộ ông T được giao 3.728,4m² đất nông nghiệp. Hộ ông T không có ý kiến, kiến nghị, phản ánh về kết quả dồn điền đổi thửa đã được UBND huyện L phê duyệt năm 2016, hiện đang canh tác, sử dụng thửa đất này.

Căn cứ pháp lý lập hồ sơ thu hồi đất, bồi thường, GPMB: Căn cứ vào Nghị định số 64-CP ngày 27/9/1993, UBND huyện L đã giao đất nông nghiệp theo định suất cho các hộ gia đình, cá nhân theo quy định. Đối chiếu giữa Hồ sơ địa chính năm 1993, 1999 (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Sổ địa chính) và Hồ sơ địa chính năm 2016, Phương án dồn điền đổi thửa được UBND huyện L phê duyệt năm 2016 cho thấy, diện tích đất nông nghiệp của các hộ gia đình, cá nhân có sự tương đồng.

Trong quá trình rà soát, thu thập hồ sơ, giấy tờ sử dụng đất của các hộ gia đình cung cấp cho thấy: Toàn bộ các thửa đất mà các công dân có đơn được cơ sở thôn X1, xã M1 giao trong khoảng thời gian từ 2007 đến 2009 với giá chuyển nhượng bình quân là 7.000.000 đồng/sào, lệ phí chuyển dịch là 300.000 đồng/sào với thời hạn là lâu dài để nuôi trồng thủy sản. Việc cơ sở thôn X1, xã M1 giao đất cho các hộ gia đình, cá nhân là không đúng thẩm quyền, không đúng thời hạn.

UBND huyện L ban hành Văn bản số 781/UBND-TNMT ngày 01/9/2020, về việc đồng ý cho phép bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất để thực hiện Dự án; có nội dung: “3. Đồng ý các thửa đất thôn X1 bán cho các hộ gia đình (có biên bản viết tay giữa hộ và lãnh đạo thôn X1) năm 2008, 2009 của các hộ: Bùi Văn C1, Bùi Xuân T2, **Tổng Đức H3**, Phạm Văn Tr, Trần Văn T, Vũ Văn H2 cho phép bồi thường, hỗ trợ là đất nông nghiệp công ích. Đối với các trường hợp khác thôn bán sau ngày 01/7/2014 không bồi thường, hỗ trợ cho các hộ.”

Căn cứ vào Điều 82, khoản 1 Điều 76 Luật Đất đai năm 2013 và điểm d khoản 1 Điều 25 Quyết định số 528/2014/QĐ-UBND ngày 22/12/2014 (trưng

ứng với điểm c khoản 1 Điều 21 Quyết định số 19/2020/QĐ-UBND ngày 30/12/2020) của UBND tỉnh Bắc Ninh, việc UBND huyện L quyết định thu hồi đất, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đối với 06 hộ gia đình cá nhân trên là đất nông nghiệp thuộc quỹ đất công ích do UBND xã M quản lý là đúng quy định nên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện UBND xã M1 trình bày: Việc bán đất đều do thôn ra nghị quyết chi bộ để chuyển đổi, bán cho nhân dân. Thời điểm đó UBND xã chưa có chỉ đạo, chưa ban hành nghị quyết nào để cho thôn thực hiện chủ trương đó. Hiện nay, khu đất thu hồi này thuộc địa giới hành chính của xã M. UBND xã M1 đồng quan điểm với quan điểm của UBND huyện L. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện UBND xã M trình bày: Toàn bộ diện tích đất nông nghiệp mà thôn X1, xã M1 bán trái thẩm quyền nằm trên địa giới hành chính xã M; tuy nhiên, lại thuộc quyền quản lý của xã M1 (đất xâm canh). Vì vậy, vào thời điểm năm 2007 - 2009 việc thôn X1 bán cho các hộ dân không liên quan gì đến thẩm quyền giải quyết của xã M. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Đại diện thôn X1 trình bày: Diện tích đất nông nghiệp của gia đình ông Trần Văn T đang có đơn khởi kiện có nguồn gốc trước đây là thung vũng, vườn, đồng do chính quyền thôn X1 bán cho các hộ dân từ thời kỳ năm 2007-2009 để lấy kinh phí xây dựng nhà văn hóa, làm đường phục vụ cho nhu cầu của nhân dân; đến nay các hộ gia đình vẫn đang sử dụng đất mua nêu trên và chưa được cấp GCNQSDĐ. Quá trình sử dụng diện tích đất nông nghiệp này, thôn X1 có thu khoán của các hộ gia đình theo quy định của địa phương, đối với thuế thì đất nông nghiệp được miễn. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 08/2022/HC-ST ngày 30/6/2022, Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh, đã quyết định: Căn cứ Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính; Điều 62, Điều 66, Điều 69 Luật đất đai 2013; Điều 18, Điều 29, Điều 30, Điều 31 Luật khiếu nại 2011; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án; xử:

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn T gồm:

- Bác yêu cầu hủy một phần Quyết định số 2725/QĐ-UBND ngày 02/11/2020 của UBND huyện L về việc thu hồi đất để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng cải tạo, nâng cấp đường TL284 đoạn thị trấn G đi V, huyện L đối với ông Trần Văn T.

- Bác yêu cầu hủy Quyết định số 1375/QĐ-UBND ngày 23/8/2021 của Chủ tịch UBND huyện L về việc giải quyết khiếu nại lần đầu đối với ông Trần Văn T.

- Bác yêu cầu xác định diện tích đất 3.216,2m² gia đình ông T đang sử dụng thuộc quyền sử dụng hợp pháp, được nhà nước giao đất sử dụng lâu dài.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí, thông báo quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 06/7/2022 ông Trần Văn T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội nêu quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính xử bác yêu cầu kháng cáo của ông Trần Văn T, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội; Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

[1] Về tố tụng: Ngày 15/9/2021, ông Trần Văn T có đơn khởi kiện đề nghị hủy một phần Quyết định số 2725/QĐ-UBND ngày 02/11/2020 của UBND huyện L và hủy Quyết định số 1375/QĐ-UBND ngày 23/8/2021 của Chủ tịch UBND huyện L; xác định diện tích đất 3.216,2m² gia đình ông T đang sử dụng thuộc quyền sử dụng hợp pháp, được Nhà nước giao đất sử dụng lâu dài. Khiếu kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 30, Điều 32, Điều 116 Luật tố tụng hành chính.

Ông Trần Văn T, người bị kiện và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 4 Điều 225 Luật tố tụng hành chính.

[2] Xét tính hợp pháp của Quyết định số 2725/QĐ-UBND

[2.1] Về thẩm quyền ban hành Quyết định số 2725/QĐ-UBND: UBND huyện L ban hành Quyết định số 2725/QĐ-UBND thu hồi đất là đúng theo quy định khoản 2 Điều 66 Luật đất đai và Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

[2.2] Về trình tự thủ tục ban hành Quyết định số 2725/QĐ-UBND: UBND huyện L ban hành quyết định thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB là đúng trình tự thủ tục quy định tại Điều 69 Luật Đất đai năm 2013; Điều 17 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

[2.2] Về nội dung: Ngày 07/10/2008, hộ gia đình ông T có mua của thôn X1, xã M1, huyện L diện tích 3.054,6m² đất với giá 7.000.000đồng/sào và 300.000đồng/sào để chuyển giấy tờ (nay là thửa đất số 99, tờ bản đồ địa chính số 26 diện tích 3.216,2m², hình thức sử dụng đất tạm giao). Nguồn gốc thửa đất là đất thung vũng (được xác định là đất công ích), khi mua bán chỉ có làm giấy tờ mua bán (biên bản chuyển nhượng đất nuôi trồng thủy sản lâu dài), ký nhận giữa Trưởng thôn và người mua, ông T đã nộp tiền đầy đủ cho thôn; hộ ông T đã bị thu hồi 421,7m² đất để làm dự án. Theo quy định tại khoản 5 Điều 67 Luật Đất đai 2003 thì UBND xã, phường, thị trấn cho thuê đất thuộc quỹ đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích của xã, phường, thị trấn...Thời hạn cho thuê đất thuộc quỹ đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích của xã không quá 05 năm.

Như vậy, thôn X1, xã M1 giao đất cho các hộ (bán) là không đúng thẩm quyền, không đúng thời hạn. Căn cứ Điều 82 Luật Đất đai 2013 quy định các trường hợp Nhà nước thu hồi đất nhưng không được bồi thường về đất; các trường hợp không được bồi thường về đất nhưng được bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại khi Nhà nước thu hồi bao gồm đất nông nghiệp thuộc quỹ đất công ích xã, phường, thị trấn. Trên cơ sở Quyết định số 528/2014/QĐ-UBND ngày 22/12/2014 và Quyết định số 552/2014/QĐ-UBND ngày 28/12/2014 của UBND tỉnh Bắc Ninh ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và thực hiện trình tự thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất; bồi thường hỗ trợ và tái định cư trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh. Ngày 24/8/2020, Hội đồng giải phóng mặt bằng huyện L có văn bản đề nghị UBND huyện L xem xét và lập phương án bồi thường hỗ trợ cho gia đình, cá nhân có đất được giao không đúng thẩm quyền. Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất giai đoạn 2 (đợt 2) cụ thể về cơ cấu diện tích thu hồi; diện tích đất bồi thường, hỗ trợ 7.613m²; đơn giá bồi thường, hỗ trợ đối với đất nông nghiệp giao ổn định lâu dài, đất nông nghiệp do UBND xã quản lý (đất công ích) và đất ở (ONT) tại các vị trí thu hồi dự án theo Quyết định số 714/QĐ-UBND và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất giai đoạn 1 (đợt 2). Trong đó hộ ông T (Tuyệt) tờ bản đồ 3, thửa đất 99 diện tích 3.216,2m² diện tích thu hồi 421,7m² (diện tích đất công ích; hình thức sử dụng đất tạm giao), diện tích còn lại 2.794,5m². Do là đất công ích, hình thức sử dụng tạm giao nên hộ ông T được bồi thường chi phí đầu tư vào đất cho người đang sử dụng đất 30% giá đất ($30\% \times 70.000\text{đ}/\text{m}^2$) = 21.000đồng/m². Hộ ông T bị thu hồi 421,7m² nên số tiền bồi thường hộ ông T nhận được là $421,7\text{m}^2 \times 21.000\text{đồng}/\text{m}^2 = 8.855.700$ đồng; bồi thường về hoa màu trên đất $9.000 \text{ đồng}/\text{m}^2 = 3.795.300$ đồng (ông T không có ý kiến gì về bồi thường hoa màu trên đất). Tổng số tiền gia đình ông T được hỗ trợ, bồi thường 12.651.000 đồng là đúng quy định của pháp luật.

Như vậy, Quyết định thu hồi đất số 2725/QĐ-UBND và Quyết định phê duyệt phương án bồi thường đối với diện tích đất 421,7m² đối với hộ ông T là có căn cứ.

[3]. Xét tính hợp pháp Quyết định số 1375/QĐ-UBND ngày 23/8/2021 của Chủ tịch UBND huyện L về giải quyết khiếu nại:

[3.1]. Về thẩm quyền ban hành Quyết định số 1375/QĐ-UBND: Chủ tịch UBND huyện L ban hành Quyết định số 1375/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại là đúng theo quy định tại khoản 8 Điều 29 Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Điều 18 Luật Khiếu nại năm 2011.

[3.2]. Về trình tự, thủ tục ban hành Quyết định số 1375/QĐ-UBND: Ngày 23/12/2020, ông T cùng 05 hộ dân khiếu nại Quyết định số 2725/QĐ-UBND. Ngày 09/6/2021, Chủ tịch UBND huyện L ban hành Quyết định số 1005/QĐ-UBND về việc giao nhiệm vụ xác minh nội dung khiếu nại. Ngày 29/7/2021, đoàn xác minh đã có báo cáo kết quả xác minh nội dung khiếu nại đối với Quyết định số 2725/QĐ-UBND. Ngày 23/8/2021, Chủ tịch UBND huyện L ban hành Quyết định số 1375/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại lần đầu. Như vậy, Quyết định số 1375/QĐ-UBND được ban hành theo đúng trình tự, thủ tục quy định tại Điều 29, Điều 30, Điều 31 Luật Khiếu nại 2011.

[3.3]. Về nội dung: Theo như phân tích tại mục [2] thôn X1, xã M1 thực hiện việc chuyển nhượng đất nông nghiệp cho các hộ gia đình, cá nhân thời điểm 2007-2010, thời hạn lâu dài là trái thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 37 Luật Đất đai năm 2003; khoản 3 Điều 59 Luật Đất đai năm 2013 và thời hạn quy định tại khoản 5 Điều 67 Luật Đất đai năm 2003. UBND huyện L ban hành Quyết định số 2725/QĐ-UBND thu hồi đất nông nghiệp của hộ gia đình ông T để thực hiện Dự án là đúng quy định của pháp luật. Tại Quyết định giải quyết khiếu nại số 1375/QĐ-UBND ngày 23/8/2021 của Chủ tịch UBND huyện L ban hành đã không chấp nhận nội dung khiếu nại của các công dân và giữ nguyên các nội dung Quyết định số 2725/QĐ-UBND là có căn cứ.

Tòa án cấp sơ thẩm đã bác yêu cầu khởi kiện xác định diện tích đất 3.216,2m² gia đình ông T đang sử dụng thuộc quyền sử dụng hợp pháp, được Nhà nước giao đất sử dụng lâu dài là đúng.

Tòa án cấp sơ thẩm đã không chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của ông T đề nghị hủy một phần Quyết định số 2725/QĐ-UBND ngày 02/11/2020 của UBND huyện L; hủy Quyết định số 1375/QĐ-UBND ngày 23/8/2021 của Chủ tịch UBND huyện L và yêu cầu xác định diện tích đất 3.216,2m² gia đình ông T đang sử dụng thuộc quyền sử dụng hợp pháp, được Nhà nước giao đất sử dụng lâu dài là đúng. Tại cấp phúc thẩm ông T không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì mới. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông T; chấp nhận ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm.

[4] Về án phí: Ông Trần Văn T phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Văn T đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 08/2022/HC-ST ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh; giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

2. Về án phí: Ông Trần Văn T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hành chính phúc thẩm, được đối trừ với số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số AA/2021/0000197 ngày 18/7/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- Cục THADS tỉnh Bắc Ninh;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu HCTP, HSVA.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Thúy Bình

Chủ tọa phiên tòa

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Cường

Nguyễn Mạnh Tiến

Lê Thị Thúy Bình

